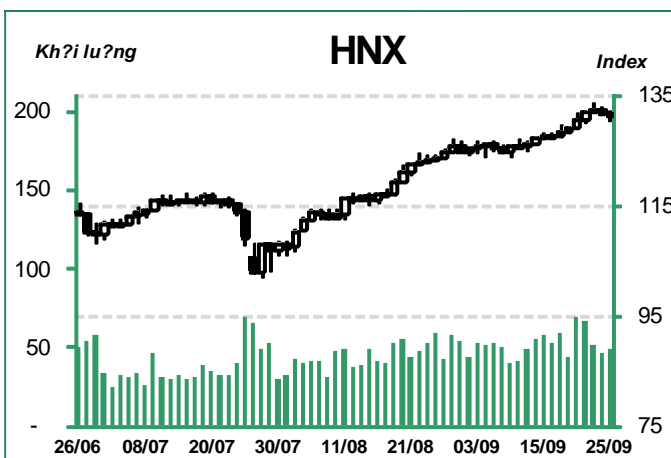
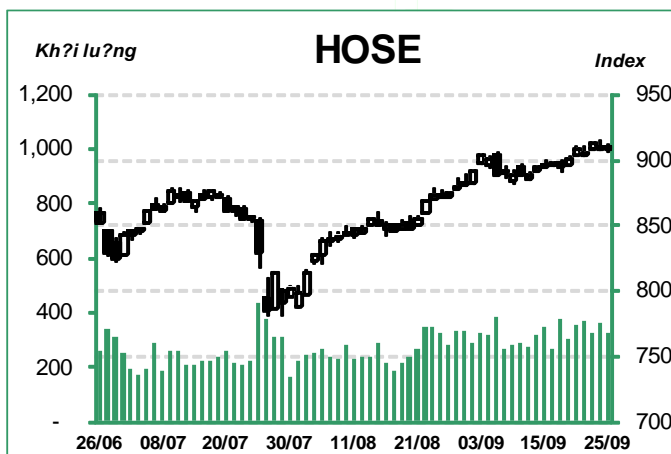


Tổng quan thị trường

25/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	908.27	-0.03%	854.71	0.18%	131.52	-0.14%
Cuối tuần trước	900.95	0.81%	841.26	1.60%	129.20	1.80%
Trung bình 20 ngày	898.69	1.07%	837.45	2.06%	128.23	2.57%
Tổng KLGD (triệu cp)	361.23	-9.34%	125.52	20.89%	62.66	14.52%
KLGD khớp lệnh	326.13	-8.90%	105.36	16.79%	48.37	5.51%
Trung bình 20 ngày	320.57	1.73%	89.76	17.37%	52.01	-7.00%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	6,275.15	-2.08%	2,958.02	2.70%	905.57	29.97%
GTGD khớp lệnh	5,432.80	-3.27%	2,418.13	-2.76%	626.02	11.72%
Trung bình 20 ngày	5,470.84	-0.70%	2,484.42	-2.67%	602.15	3.96%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	162	34%	9	30%	78	22%
Số mã giảm	239	51%	16	53%	76	21%
Số mã đứng giá	71	15%	5	17%	202	57%



Thị trường giao dịch gi?ng co với biên độ hẹp trong bối cảnh nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn có diễn biến tăng giảm trái chiều. Mặc dù cả 2 chỉ số VN-Index và HNX-Index bắt ngờ chịu áp lực bán mạnh và lao dốc vào phiên chiều nhưng đã nhanh chóng hồi phục trở lại trong phiên ATC và đóng cửa gần như đi ngang. Tuy nhiên, với việc áp lực bán hiện diện ở vùng kháng cự cùng với thanh khoản vẫn đang ở mức cao, chỉ số có thể tiếp tục rung lắc trong những phiên sắp tới.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa giảm nhẹ tại mức 908.27 điểm (-0.03%). KLGD khớp lệnh đạt 326.1 triệu cổ phiếu (-8.9%), tương đương với giá trị khớp lệnh là 5,433 tỷ đồng (-3.3%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên bán với số mã giảm tiếp tục chiếm ưu thế (239 mã giảm so với 162 mã tăng).

Đa đa phần các cổ phiếu Bluechips đều đóng cửa giảm điểm nhưng mức giảm không quá lớn. Trong đó, PV Gas-GAS (-0.5%), Becamex IDC-BCM (-1.7%), Vingroup-VIC (-0.2%) tác động tiêu cực nhất. Ở chiều ngược lại, Sacombank-STB (+6.8%), Habeco-BHN (+7.0%) dẫn đầu sắc xanh trên sàn khi đóng cửa tăng trần. Riêng STB ghi nhận phiên giao dịch với khối lượng kỷ lục hơn 39 triệu cổ phiếu, chỉ xếp sau phiên giao dịch ngày 22/09 với gần 46 triệu cổ phiếu. Bên cạnh đó, Vietinbank-CTG (+0.8%) cũng đáng chú ý khi bắt ngờ khởi sắc trong phiên ATC.

Khối ngoại gia tăng vị thế bán ròng trên sàn HoSE trong hôm nay với giá trị 161.3 tỷ đồng (+29.4%). Lực bán tập trung ở các cổ phiếu như Hòa Phát-HPG (-52.9 tỷ), Vinamilk-VNM (-24.3 tỷ), Chứng khoán SSI-SSI (-20.8 tỷ). Trái lại, những cổ phiếu được mua ròng đáng kể là Vietcombank-VCB (+42.6 tỷ), Đạm Phú Mỹ-DPM (+12.6 tỷ) và Bảo Việt-BVH (+5.1 tỷ).

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index diễn biến có phần tiêu cực hơn khi chìm trong sắc đỏ trong phần lớn thời gian giao dịch. Tuy

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
TCB	7,424.6	160.96
EIB	8,189.8	139.23
MSN	2,380.0	130.90
CRE	3,300.0	73.26
NVL	630.0	38.85
IJC	2,650.0	32.07
FPT	592.9	30.53
VCI	800.0	23.60
AGG	780.0	23.09
PDR	360.0	14.00
HNX		
VCG	5,263.0	199.99
NVB	7,850.0	68.30
ACB	156.2	3.57
SRA	168.0	2.52
VC1	350.0	2.45
DIH	108.0	1.44
TIG	100.0	0.71
MPT	296.8	0.56

nhiên, chỉ số cũng ghi nhận mức đóng cửa giảm nhẹ tại 131.52 điểm (-0.14%), với KLGD khớp lệnh đạt 48.4 triệu cổ phiếu (+5.5%), tương đương 626.0 tỷ đồng giá trị (+11.7%).

Trong đó, Thaiholdings-THD (-4.7%), Nhựa Tiên Phong-NTP (-1.2%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (-1.1%) giảm điểm gây áp lực chính cho chỉ số. Ở chiều ngược lại, Vinaconex-VCG (+2.4%), Cảng Đà Nẵng-CDN (+4.3%) và Dầu khí PTSC-PVS (+0.7%) là những cổ phiếu có diễn biến tích cực nhất. Bên cạnh đó, với việc 2 cổ phiếu trụ nhóm ngân hàng là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (0.0%), Ngân hàng Á Châu-ACB (0.0%) hồi phục về tham chiếu cuối phiên cũng là nguyên nhân khiến chỉ số không giảm sâu.

Khối ngoại bất ngờ đảo chiều mua ròng trên sàn Hà Nội trong hôm nay với giá trị 1.6 tỷ đồng. Các cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất là Dầu khí PTSC-PVS (+2.3 tỷ), Nhựa Tiên Phong-NTP (+0.9 tỷ), In Nông Nghiệp-INN (+0.4 tỷ). Trong khi đó, Dệt may TNG-TNG (-1.3 tỷ), Cảng Đoạn Xá-DXP (-1.0 tỷ), Vimenco-VMC (-0.2 tỷ) là những mã bị khối này bán ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch giữ trên mức bình quân 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số duy trì đóng cửa trên MA20, kèm theo chỉ báo ADX nằm trên vùng 27 và đường +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng chính vẫn là phục hồi, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ nằm trong nhịp điều chỉnh kỹ thuật. Tuy nhiên, chỉ số có phiên đóng cửa dưới MA5, cùng với RSI có dấu hiệu suy giảm từ vùng quá mua trên 70 xuống vùng 66, cho thấy đà tăng có phần dịu lại. Do đó, trong trường hợp tiêu cực, nhịp rung lắc kỹ thuật có thể vẫn chưa kết thúc và chỉ số có thể chịu sức ép về thử thách lại vùng đỉnh 900-905 điểm trước khi lấy lại đà phục hồi. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp nhưng vẫn trên MA20, cho thấy xu hướng chính có thể vẫn là phục hồi, phiên giảm điểm có khả năng chỉ là nhịp điều chỉnh kỹ thuật với vùng hỗ trợ quanh ngưỡng tâm lý 130 điểm hoặc xa hơn có thể là vùng 127.8 (MA20). Nhìn chung, thị trường đang trong nhịp rung lắc kỹ thuật nhằm củng cố cho xu hướng phục hồi chính được bền vững hơn. Do đó, nhà đầu tư nên cân nhắc tận dụng nhịp điều chỉnh này để tái cơ cấu lại danh mục của mình.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LGC	56.6	0.3	7.0%
TPC	7.5	1.1	7.0%
BHN	72.1	20.3	7.0%
ASG	38.5	4.3	6.9%
OGC	6.5	5,412.8	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VPG	12.7	2,769.8	-7.0%
TCO	9.7	0.0	-7.0%
HRC	45.9	0.0	-6.9%
VAF	11.0	0.0	-6.8%
TTA	19.2	8,298.4	-6.6%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
STB	13.3	509.4	6.8%
HPG	25.8	259.0	0.4%
HSG	15.3	205.5	2.0%
GEX	24.1	172.0	-1.4%
TTA	19.2	159.0	-6.6%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	13.3	39,321.6	6.8%
HSG	15.3	13,614.2	2.0%
ITA	4.7	10,302.1	-1.5%
PVD	11.6	10,216.6	1.8%
HPG	25.8	10,094.2	0.4%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.7	38.7	16.7%
HKB	0.8	630.2	14.3%
TST	12.1	6.0	10.0%
LM7	3.3	5.3	10.0%
SDG	23.2	0.1	10.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.7	109.9	-12.5%
CAN	27.9	0.7	-10.0%
VGP	21.6	0.1	-10.0%
CTC	3.6	3.9	-10.0%
VTL	14.6	1.0	-9.9%

Top 5 giá trị

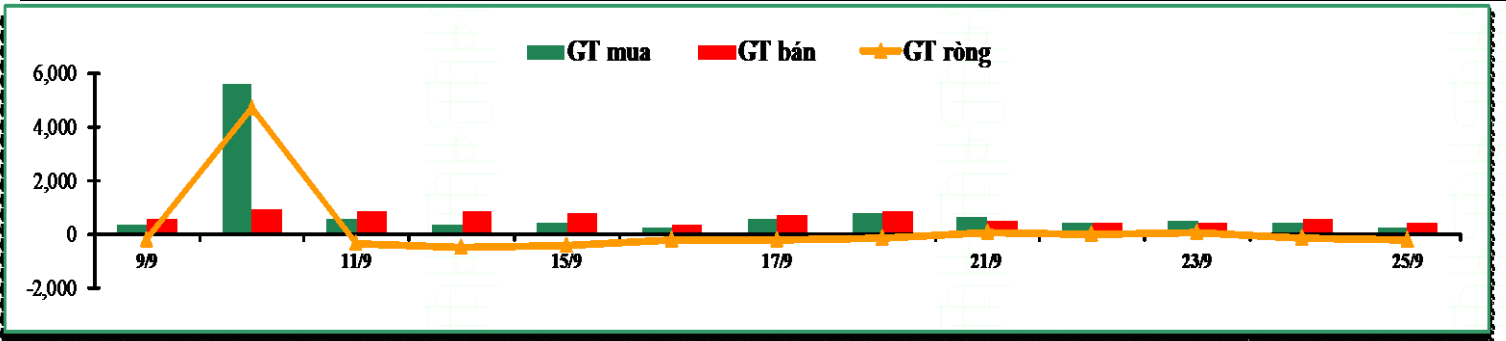
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	22.2	142.0	0.0%
PVS	13.6	113.8	0.7%
SHB	15.4	68.9	0.0%
VCG	39.0	33.0	2.4%
VCS	68.2	30.2	0.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PVS	13.6	8,452.6	0.7%
ACB	22.2	6,416.3	0.0%
SHB	15.4	4,512.4	0.0%
HUT	2.6	2,977.9	0.0%
MBG	5.8	2,960.0	-3.3%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	273.9	5.0%	435.2	8.0%	-161.3
HNX	7.7	1.2%	6.1	1.0%	1.6
Tổng số	281.6		441.3		-159.7



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	86.0	47.8	-0.1%
VNM	127.7	40.7	0.3%
VND	13.4	20.1	-0.4%
HPG	25.8	19.0	0.4%
SAB	187.0	17.9	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	25.8	71.9	0.4%
VNM	127.7	65.0	0.3%
VIC	92.8	31.5	-0.2%
SSI	16.5	21.2	-0.6%
SAB	187.0	20.8	0.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	86.0	42.6	-0.1%
DPM	16.8	12.6	0.0%
BVH	49.5	5.1	0.4%
MSH	31.8	3.9	0.3%
GAS	73.1	2.9	-0.5%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	13.6	2.3	0.7%
ACB	22.2	1.4	0.0%
PMC	59.0	1.1	4.2%
NTP	33.2	0.9	-1.2%
INN	29.4	0.4	2.8%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	22.2	1.4	0.0%
TNG	13.2	1.3	-0.8%
DXP	11.6	1.0	-0.9%
PMC	59.0	0.8	4.2%
BVS	11.4	0.3	0.9%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	13.6	2.3	0.7%
NTP	33.2	0.9	-1.2%
INN	29.4	0.4	2.8%
SHB	15.4	0.4	0.0%
PMC	59.0	0.2	4.2%

Tin trong nước

Tổng tài sản toàn hệ thống ngân hàng suy giảm

Số liệu cập nhật mới nhất từ Ngân hàng Nhà nước cho thấy, tính đến hết tháng 7, tổng tài sản toàn hệ thống ngân hàng đạt 12.831.052 tỷ đồng.

So với cuối tháng 6, tổng tài sản toàn hệ thống đã giảm gần 9.792 tỷ đồng, tương đương giảm 0,08%.

Giảm nhiều nhất là ở nhóm ngân hàng thương mại (NHTM) Nhà nước với 19.012 tỷ đồng. Kế đến là nhóm NHTM cổ phần với 7.018 tỷ đồng. Các công ty tài chính, cho thuê tài chính cũng ghi nhận sự suy giảm tổng tài sản với quy mô giảm 1.291 tỷ đồng.

Trái lại, tổng tài sản của nhóm ngân hàng liên doanh, nước ngoài tăng tới 13.459 tỷ đồng trong tháng 7. Một số nhóm khác cũng ghi nhận tăng gồm: quỹ tín dụng nhân dân (tăng 1.978 tỷ đồng), ngân hàng hợp tác xã (1.482 tỷ đồng), Ngân hàng Chính sách Xã hội (612 tỷ đồng).

Sự suy giảm tổng tài sản toàn hệ thống ngân hàng không phải đến từ diễn biến dư nợ tín dụng. Thống kê cho thấy riêng trong 7, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đã tăng 32.882 tỷ đồng. Nhiều khả năng sự suy giảm này đến từ kênh liên ngân hàng hoặc/và kênh đầu tư trái phiếu chính phủ.

Cả hai kênh trên đều hiện đang có lợi suất cực thấp, khi lãi suất liên ngân hàng vẫn duy trì ở vùng thấp kỷ lục và lãi suất trái phiếu chính phủ cũng giảm rất sâu trong thời gian qua. Điều đó khiến 2 kênh đầu tư này trở nên kém hấp dẫn và có thể khiến các ngân hàng nói riêng và các tổ chức tín dụng nói chung phải cân đối lại quy mô đầu tư.

Mặc dù suy giảm trong tháng 7 nhưng lũy kế 7 tháng, tổng tài sản toàn hệ thống ngân hàng vẫn tăng 2,01%. Dù vậy, mức tăng này vẫn rất khiêm tốn, chỉ bằng cỡ khoảng 1/3 mức tăng cùng kỳ năm ngoái.

Bên cạnh số liệu tổng tài sản, Ngân hàng Nhà nước cũng công bố tỷ lệ an toàn vốn tại các nhóm ngân hàng. Theo đó, tính đến cuối tháng 7, tỷ lệ an toàn vốn tại nhóm các ngân hàng áp dụng Thông tư 41/2016 bình quân ở mức 11,55%; trong đó, nhóm NHTM Nhà nước ở mức 9,56%, thấp hơn mức 10,72% của nhóm NHTM cổ phần.

Trong khi đó, tỷ lệ an toàn vốn tại nhóm các ngân hàng áp dụng Thông tư 22/2019 bình quân ở mức 10,52%; trong đó, nhóm NHTM Nhà nước ở mức 10,38%, cao hơn mức 9,86% của nhóm NHTM cổ phần.

Ảnh hưởng rủi ro với công ty chứng khoán

Theo định hướng chính sách mới về an toàn tài chính áp dụng với công ty chứng khoán (CTCK) đang được lấy ý kiến, Bộ Tài chính đưa ra một số thay đổi xử lý CTCK trong diện kiểm soát, kiểm soát đặc biệt.

Một loạt sản phẩm, nghiệp vụ mới đang được UBCKNN cùng các sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký thúc đẩy triển khai như bán chứng khoán chờ về, được vay chứng khoán để bán (bán khống), mua bán chứng khoán trong ngày... đặt ra các yêu cầu cao về sức khỏe tài chính, mà các CTCK phải đáp ứng mới được phép tham gia triển khai.

Tin doanh nghiệp niêm yết

PV Drilling ước lãi ròng 9 tháng đạt 100 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ

Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling, HoSE: PVD) ước tính doanh thu trong 9 tháng đầu năm nay đạt 4.300 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ ước 100 tỷ đồng, so với gần 49 tỷ đồng cùng kỳ năm 2019.

Theo báo cáo bán niên, doanh thu công ty đạt 3.145 tỷ và lãi ròng hơn 86 tỷ đồng. Như vậy, ước tính quý III, doanh thu tăng hơn 8% lên 1.155 tỷ đồng và lãi ròng giảm 48% còn 14 tỷ đồng.

Vinamilk đưa người làm Tổng giám đốc Vilico

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam (Vilico, UPCoM: VLC) thông báo bổ nhiệm ông Trịnh Quốc Dũng giữ chức vụ Tổng giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Vilico kể từ ngày 23/9, thay thế cho ông Phạm Tuyên. Đồng thời, ông Dũng cũng thay thế ông Tuyên giữ chức Giám đốc và người đứng đầu tất cả các chi nhánh thuộc Vilico kể từ 23/9.

Vilico là công ty nông nghiệp hoạt động trong nhiều mảng, trong đó công ty con Mộc Châu Milk là "gà đẻ trứng vàng" đem lại nguồn thu lớn nhất. Báo cáo quý II cho thấy doanh thu từ sữa đạt gần 1.200 tỷ đồng, chiếm 87% doanh thu Vilico. Lợi nhuận sau thuế bán niên Vilico đạt 116 tỷ đồng, tăng 40% so với cùng kỳ 2019.

Mới đây Vilico thông báo không mua được cổ phiếu Vinamilk nào trong 2 triệu đơn vị đăng ký mua giai đoạn 18/8-16/9 do không đạt mức giá kì vọng. Cổ phiếu VNM hiện nay có giá quanh 130.000 đồng/cp và cổ phiếu VLC trên 27.000 đồng/cp.

Trở lại mảng bánh và ngành dầu ăn khởi sắc, Kido ước lợi nhuận quý III tăng 141%

Tập đoàn Kido (HoSE: KDC) thông báo quý III ước doanh thu đạt 2.293 tỷ đồng, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm trước. Lãi gộp đạt 531 tỷ đồng, tăng 22%. Sau khi trừ đi các chi phí công ty có lãi sau thuế 128 tỷ đồng, tăng 141% so với quý III/2019.

Quý III, Kido ghi nhận sự tăng trưởng mạnh ở mảng dầu ăn khi Dầu thực vật Tường An (HoSE: TAC) và Vocarimex (UPCoM: VOC) đạt mức tăng lợi nhuận trước thuế lần lượt 71% và 88% so với cùng kỳ năm trước. Mảng kem duy trì lợi nhuận tương đương cùng kỳ năm trước, ước đạt 62 tỷ đồng

Ngoài ra, quý III đánh dấu sự trở lại của Kido trên thị trường snacking với sản phẩm tiên phong là bánh trung thu thương hiệu Kingdom. Doanh nghiệp dự kiến năm nay, sản phẩm bánh trung thu Kingdom sẽ đóng góp vào doanh thu khoảng 160 tỷ đồng và lợi nhuận khoảng 36 tỷ đồng.

Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần Kido ước đạt 5.960 tỷ đồng, tăng 17,3% chủ yếu do doanh thu ngành dầu tăng 30% trong khi doanh thu ngành kem giảm nhẹ 9,8%. Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đạt 338 tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch năm và tăng 49,4%. Lợi nhuận sau thuế đạt 261 tỷ đồng, tăng 56,6% so với cùng kỳ năm trước.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	HPG	Mua	28/09/20	25.75	25.75	0.0%	30	16.5%	25	-2.9%	Cổ phiếu đang trong xu hướng tăng

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Hỗ trợ / Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	TDM	Quan sát mua	28/09/20	23.45	25.5	Nhịp điều chỉnh về cạnh dưới vùng sideway tích cực với nến nhỏ dần -> cần một phiên tăng mạnh vol cao lại sẽ cho khả năng tăng trở lại cạnh trên vùng sideway
2	SBT	Quan sát mua	28/09/20	15.2	16.3-16.6	Phiên bật tăng mạnh từ chòm MA cũng như break nền tích lũy kèm vol cao -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 14.9-15
3	CTD	Quan sát bán	28/09/20	71.3	64-66	Phiên giảm mạnh vol cao, thủng nền tích lũy -> khả năng tiếp tục giảm trong ngắn hạn, canh hồi để bán
4	PLC	Quan sát bán	28/09/20	22.9	20.3-21.4	Tín hiệu tạo đỉnh sau nền tăng mạnh vol đột biến nhưng giá ko tăng nhiều nữa + phân kỳ MACD, RSI -> khả năng sớm có nhịp điều chỉnh, canh hồi để bán

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DGC	Nắm giữ	20/08/20	42.8	33.45	28.0%	43.5	30.0%	31.8	-5%	
2	IMP	Mua	15/09/20	48	48.15	-0.3%	54.4	13.0%	47.2	-2%	
3	LIX	Mua	16/09/20	57	56.8	0.4%	60.9	7%	54.9	-3%	
4	MWG	Mua	17/09/20	100.5	94.6	6.2%	105	11%	90	-5%	
5	VNM	Mua	21/09/20	127.7	126.4	1.0%	137	8%	123.9	-2%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	CTG	Mua	23/09/20	26.2	25.8	1.6%	28	9%	25.2	-2%	
7	PLX	Mua	24/09/20	51.6	51.6	0.0%	58.4	13%	49.5	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 25/09/2020								Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,280	10.3 %	-17%	1,064	82	71,300	52	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,440	1.9 %	57%	3,196	45	50,800	1,315	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,890	1.6 %	26%	1,034	34	50,800	1,531	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,750	0 %	4%	1,510	28	50,800	1,480	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,520	0.7 %	1%	19,030	111	50,800	762	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,350	-2.1 %	-5%	8,412	84	50,800	1,487	MBS	FPT	46,800	3	18/12/2020
CHDB2005	1,080	950	3.3 %	-12%	1,606	10	31,150	961	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	3,150	0 %	44%	332	13	31,150	3,238	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	12,440	1.7 %	492%	10	6	25,750	6,759	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2008	4,100	4,460	-5.5 %	9%	13,838	66	25,750	82	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	4,510	-0.9 %	182%	5,681	34	25,750	1,657	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	6,300	-4.8 %	3%	10,569	115	25,750	896	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	7,900	-3.7 %	14%	1,421	67	25,750	1,971	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	7,470	-1.7 %	4%	1,097	206	25,750	1,872	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	6,950	-0.9 %	4%	1,659	157	25,750	1,344	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	2,880	-2.0 %	31%	4,759	111	25,750	258	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CHPG2019	1,630	1,750	0 %	7%	28,438	84	25,750	1,004	MBS	HPG	24,100	2	18/12/2020
CMBB2003	2,000	2,150	-1.4 %	8%	22,026	45	19,600	1,669	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	550	-57.7 %	-73%	2,252	31	19,600	76	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,670	4.4 %	52%	15,343	34	19,600	1,573	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,850	1.1 %	32%	8,400	111	19,600	1,397	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN2001	2,300	400	-7.0 %	-83%	16,902	82	54,700	1	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2005	2,100	380	-9.5 %	-82%	1,843	34	54,700	0	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,190	-6.3 %	-37%	1,459	111	54,700	339	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	1,340	-3.6 %	-12%	2,232	73	54,700	514	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2005	2,500	4,390	-5.2 %	76%	23	6	100,500	4,273	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	420	-2.3 %	-79%	11,097	31	100,500	0	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	16,300	-1.8 %	26%	1,906	66	100,500	13,995	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,680	-2.3 %	29%	59,203	32	100,500	1,573	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	2,390	-2.1 %	49%	4,398	28	100,500	2,336	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,280	-1.7 %	63%	8,150	111	100,500	1,934	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CMWG2011	2,980	3,800	-3.1 %	28%	14,928	84	100,500	2,840	MBS	MWG	87,000	5	18/12/2020
CMWG2012	4,390	4,980	-1.4 %	13%	2,841	136	100,500	4,312	SSI	MWG	80,000	5	08/02/2021
CNVL2001	2,300	1,990	0 %	-13%	1	82	63,500	87	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	-	0 %	-100%	-	166	63,500	991	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	220	4.8 %	-91%	862	6	62,000	(0)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	130	0 %	-94%	350	31	62,000	(0)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	520	-7.1 %	-48%	25,117	34	62,000	228	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	940	11.9 %	-6%	11,738	111	62,000	458	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,330	-2.1 %	40%	20,291	56	62,000	1,849	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	2,970	-2.6 %	-2%	2,529	136	62,000	2,530	SSI	PNJ	50,000	5	08/02/2021
CREE2003	1,000	2,110	1.9 %	111%	931	34	40,400	2,097	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,680	3.4 %	134%	111	28	40,400	3,656	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,290	0.9 %	76%	2,610	111	40,400	2,050	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	140	0 %	-86%	97	82	2,140	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	180	-30.8 %	-94%	701	82	15,200	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,150	32.7 %	26%	14,489	82	13,300	1,523	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2004	1,400	2,700	37.8 %	93%	73,360	66	13,300	2,360	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	1,020	64.5 %	-6%	13,181	39	13,300	764	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2006	1,500	1,260	21.2 %	-16%	19,807	192	13,300	655	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CSTB2008	1,500	3,450	30.2 %	130%	31,062	56	13,300	3,147	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CSTB2009	1,650	3,100	25.5 %	88%	58,831	84	13,300	2,478	MBS	STB	10,900	1	18/12/2020
CTCB2003	2,000	330	0 %	-84%	59	31	22,400	0	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,950	2.1 %	-35%	4,890	66	22,400	824	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,320	2.7 %	93%	11,637	34	22,400	2,225	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,900	0.5 %	12%	1,648	111	22,400	1,348	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CTCB2008	1,720	1,900	-0.5 %	10%	3,970	84	22,400	1,288	MBS	TCB	20,000	2	18/12/2020
CVHM2001	3,100	910	1.1 %	-71%	2,270	82	77,100	2	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	5,820	0.2 %	-49%	2,962	66	77,100	2,126	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,030	0 %	3%	10,749	34	77,100	730	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	40	33.3 %	-97%	12,394	10	77,100	(0)	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	880	0 %	-37%	30,138	111	77,100	261	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVHM2007	2,900	2,040	0 %	-30%	1,289	136	77,100	1,085	SSI	VHM	75,000	5	08/02/2021
CVJC2001	2,400	150	-31.8 %	-94%	317	82	105,600	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	330	-2.9 %	-83%	14,232	34	105,600	0	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	50	0 %	-97%	1,103	10	105,600	(0)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVJC2005	2,000	1,540	-1.3 %	-23%	713	136	105,600	815	SSI	VJC	100,000	10	08/02/2021
CVNM2004	17,500	16,870	1.4 %	-4%	1,160	66	127,700	10,479	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,740	1.5 %	83%	10,161	34	127,700	2,499	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	190	-24.0 %	-88%	34,463	10	127,700	0	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,500	-3.9 %	-38%	11	166	127,700	320	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,190	0 %	22%	5,002	111	127,700	1,512	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,480	-0.8 %	37%	2,583	73	127,700	2,135	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,560	0 %	-4%	1,163	136	127,700	1,930	SSI	VNM	110,000	10	08/02/2021
CVPB2006	3,400	1,470	-4.6 %	-57%	29,476	66	23,300	401	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	890	-11.0 %	-48%	28,840	34	23,300	461	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,650	-5.7 %	-8%	11,251	111	23,300	980	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2009	1,630	2,020	-6.1 %	24%	9,948	56	23,300	1,598	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CVRE2003	3,000	270	-15.6 %	-91%	10,006	82	28,400	0	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,470	-5.0 %	-38%	3,389	66	28,400	1,068	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,440	-2.7 %	31%	13,617	34	28,400	1,366	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	610	-4.7 %	-60%	58,385	192	28,400	165	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,200	-3.2 %	0%	4,292	111	28,400	744	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
IMP (New)	HOSE	48,000	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD (New)	HOSE	71,300	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD (New)	HOSE	47,500	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	86,000	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	51,500	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	58,100	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	28,400	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,150	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	100,500	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	63,500	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	23,600	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	122,500	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
MSN	HOSE	54,700	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
HPG	HOSE	25,750	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
DHG	HOSE	105,100	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
VTP	UPCOM	103,800	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
VPB	HOSE	23,300	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
BMP	HOSE	60,200	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
MSH	HOSE	31,800	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

PNJ	HOSE	62,000	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
---------------------	------	--------	--------	------------	-----	-------	--------	-----	-----	------	-----	----

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn